

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026 của
Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài**

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 10-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị; tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 10-NQ/TW để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện thống nhất về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả sự chỉ đạo, điều hành của Nhà nước; phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương trên cơ sở thống nhất chiến lược, quy hoạch, tiêu chí, cơ chế giám sát; lấy kết quả đóng góp thực chất làm thước đo chủ yếu trong thu hút, quản lý và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài.

- Xác định kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế, không chỉ góp phần bổ sung vốn trung và dài hạn cho đầu tư phát triển mà còn là kênh tiếp nhận công nghệ tiên tiến, phương thức quản trị hiện đại, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; là cầu nối mở rộng thị trường, thúc đẩy tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; đồng thời là kênh quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế, uy tín quốc gia trên trường quốc tế.

- Chuyển mạnh từ tư duy chủ yếu thu hút vốn sang tư duy phát triển nền tảng đầu tư chiến lược; từ thu hút đầu tư theo địa giới hành chính sang thu hút theo cụm ngành, chuỗi giá trị và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; lấy chất lượng, hiệu quả, chuyển giao công nghệ, tham gia chuỗi cung ứng, giá trị gia tăng,... làm tiêu chí chủ yếu;

chuyển dần từ ưu đãi theo đầu vào sang hỗ trợ gắn với kết quả thực hiện cam kết, bao gồm quản trị cả vòng đời dự án và kết nối với doanh nghiệp trong nước.

- Phát triển đồng bộ, thống nhất hệ sinh thái đầu tư nước ngoài gắn với chiến lược phát triển doanh nghiệp trong nước, các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo, hạ tầng logistics, dữ liệu, năng lượng.

- Bảo đảm cơ chế đối thoại, tiếp nhận, xử lý kịp thời kiến nghị, khiếu nại trên nguyên tắc hài hoà lợi ích giữa các bên; xử lý tranh chấp đầu tư theo quy định của pháp luật; khuyến khích các bên tự hoà giải, thông qua cơ chế hoà giải thương mại và trọng tài thương mại.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW phải được thực hiện nghiêm túc, sâu, rộng đến các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn; bảo đảm cán bộ, công chức, đảng viên thống nhất nhận thức, nắm vững quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, từ đó triển khai thực hiện đồng bộ, nhất quán các nhiệm vụ, giải pháp.

- Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, rõ ràng, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 10-NQ/TW; đồng thời, lồng ghép với các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện; kịp thời sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích; chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động đầu tư, kinh doanh, bảo đảm môi trường đầu tư minh bạch, ổn định và cạnh tranh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư nước ngoài nhằm nâng cao năng lực sản xuất, tạo sự liên kết, lan tỏa với các khu vực kinh tế, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và tham gia sâu các chuỗi cung ứng toàn cầu; góp phần xác lập mô hình tăng trưởng mới trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tăng cường năng lực cạnh tranh và khả năng tự chủ chiến lược của tỉnh; tạo động lực quan trọng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; thực hiện thành công mục tiêu: (i) Đến năm 2035, Hưng Yên là tỉnh công nghiệp hiện đại, đáp ứng tiêu chí đô thị loại I; (ii) Đến năm 2045, Hưng Yên là thành phố thông minh, sinh thái trực thuộc Trung

ương; có nền công nghiệp hiện đại thuộc nhóm dẫn đầu cả nước; trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của phía Bắc; giàu bản sắc văn hóa, phát huy đầy đủ, mang đậm những giá trị cốt lõi của văn hóa vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2030

- Đến năm 2030, xây dựng tỉnh Hưng Yên là tỉnh có nền kinh tế năng động, phát triển nhanh, bền vững dựa trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển xanh; bảo đảm an ninh năng lượng.

- Giai đoạn 2026-2030: Vốn FDI trên địa bàn tỉnh thu hút 12.138 triệu USD (tăng bình quân 12,72%/năm) và vốn đăng ký tăng thêm đạt 4.005 triệu USD (tăng bình quân 13,38%/năm), vốn góp và mua cổ phần ước đạt 916 triệu USD (tăng bình quân 11,96%/năm).

- Tỷ lệ nội địa hóa trung bình trong các ngành công nghiệp chủ lực đạt 45-50%; phần đầu có khoảng 270 doanh nghiệp trong nước tham gia chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong cơ cấu lao động đạt trên 87%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt trên 40,5%; nâng cao rõ rệt tỷ lệ người Việt Nam đảm nhiệm vị trí kỹ thuật, quản lý, nghiên cứu, thiết kế, vận hành chuỗi cung ứng trong các dự án đầu tư nước ngoài chất lượng cao.

2.2. Đến năm 2045

Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển hiệu quả, bền vững, gắn kết chặt chẽ với kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân; đưa Hưng Yên thành tỉnh có nền công nghiệp hiện đại thuộc nhóm dẫn đầu cả nước.

Phần đầu đến năm 2045, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 25% tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh; đóng góp khoảng 30% GRDP trên địa bàn tỉnh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhóm nhiệm vụ chung

1.1. Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức về vị trí, vai trò của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết số 10-NQ/TW đến các cấp ủy, chính quyền, cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Xác định kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận cấu thành không tách rời của nền kinh tế; là một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế; là nguồn cung ứng vốn chất lượng cao, công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, tiêu chuẩn quốc tế; là cầu nối mở rộng thị trường

và tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu; là kênh truyền thông, quảng bá hình ảnh, môi trường đầu tư của tỉnh Hưng Yên trên trường quốc tế.

- Đổi mới tư duy lãnh đạo, chỉ đạo, chuyển mạnh từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại, điều hành theo kết quả; khắc phục tình trạng cạnh tranh thu hút đầu tư chạy theo số lượng; kiên quyết không đánh đổi môi trường, tài nguyên, an sinh xã hội và an ninh kinh tế để đổi lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần.

- Khuyến khích doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nâng cao trách nhiệm, tăng cường liên kết, chia sẻ trí thức, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trong nước, đồng hành lâu dài với nền kinh tế địa phương.

1.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

- Xây dựng cơ chế ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, chuyển dần từ ưu đãi truyền thống sang cơ chế hỗ trợ gắn với hiệu quả hoạt động của dự án; xây dựng cơ chế hậu kiểm, thu hồi ưu đãi, hỗ trợ nếu không thực hiện theo cam kết; ưu tiên các dự án có cam kết tự nguyện và triển khai thực hiện tốt các cam kết về sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, đóng góp lớn vào đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, đào tạo và sử dụng nhân lực trong nước, phát triển nhà cung ứng trong nước, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, hiệu quả sử dụng đất, tài nguyên, năng lượng và tuân thủ pháp luật.

- Xây dựng cơ chế lựa chọn, hỗ trợ quản lý nhà đầu tư chiến lược; xác định một số nhóm lĩnh vực, công nghệ chiến lược ưu tiên thu hút đầu tư trong từng giai đoạn và có danh mục mở được rà soát, cập nhật định kỳ đối với các lĩnh vực công nghệ, công nghiệp, dịch vụ mới nổi có lợi thế so sánh, lợi thế vị trí và khả năng lan tỏa cao. Áp dụng quy trình thủ tục đầu tư đặc biệt và cơ chế ưu đãi cho các dự án công nghệ chiến lược có quy mô lớn, tác động liên vùng, có tiềm năng dẫn dắt chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu, dự án công nghệ cao có cam kết chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp Việt Nam.

- Cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, phối hợp liên thông giữa các cơ quan; thực hiện quản trị đầu tư trên nền tảng số, dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo; phân cấp, phân quyền đi đôi với chuẩn hóa quy trình, công khai, minh bạch, hậu kiểm hiệu quả; gắn trách nhiệm của cơ quan đầu mối, người đứng đầu về kết quả, hiệu quả thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

1.3. Phát triển nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài

- Xây dựng chương trình phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nhu cầu của các ngành, lĩnh vực ưu tiên, các cụm liên kết ngành, khu công nghiệp, khu công nghệ cao và dự án chiến lược; đẩy mạnh liên kết giữa Nhà nước, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ cho các dự án đào tạo nguồn nhân lực của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài liên kết với các viện, trường, cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp trong nước, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược.

- Thực hiện cơ chế hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cấp và từng bước giao nhiệm vụ kỹ thuật, quản lý, nghiên cứu, thiết kế, vận hành chuỗi cung ứng cho người Việt Nam.

- Đổi mới giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng cho người lao động; ưu tiên các ngành công nghệ, kỹ thuật, dữ liệu, tự động hoá, quản trị sản xuất, logistics, tài chính và các lĩnh vực mới có nhu cầu cao. Tổ chức lại các cơ sở đào tạo nghề hiện có tại địa phương để hình thành các trung tâm đào tạo nghề chất lượng cao tại các vùng kinh tế trọng điểm, đáp ứng yêu cầu thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài thế hệ mới.

- Thực hiện chính sách thu hút nhân tài, trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, nhà sáng lập, người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có trình độ cao đến làm việc, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, điều hành hoạt động tại Việt Nam; tạo điều kiện thuận lợi về cư trú, việc làm, môi trường sống, dịch vụ công và kết nối hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; rà soát, cắt giảm tối đa các quy định về giấy phép lao động đối với chuyên gia người nước ngoài, đặc biệt là các chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ cao, chuyên gia công tác ngắn ngày.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp đầu tư nước ngoài triển khai các hoạt động đào tạo lao động tại cơ sở đào tạo của doanh nghiệp ở trong và ngoài nước từ nguồn ngân sách địa phương.

1.4. Nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ thu hút đầu tư chiến lược

- Huy động, tập trung nguồn lực, hoàn thiện hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, ưu tiên các công trình giao thông trọng điểm, các dự án kết nối liên vùng, hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ gắn với hệ thống các tuyến cao tốc, giữ vai trò xương sống tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời là cửa ngõ giao thương và liên kết vùng quan trọng với Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng, Quảng Ninh và Ninh Bình,... mở ra các không gian, động lực phát triển mới nhằm đón dòng vốn đầu tư nước ngoài chất lượng cao.

- Tập trung hỗ trợ để các doanh nghiệp đầu tư, hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp mới và các cụm công nghiệp nhằm chủ động quỹ đất sạch, đáp ứng nhu cầu mặt bằng sản xuất, thu hút có chọn lọc những lĩnh vực công nghệ cao, thân thiện môi trường. Phát huy hiệu quả các cơ chế ưu đãi của Khu kinh tế Thái Bình để đẩy nhanh thu hút đầu tư phát triển công nghiệp công nghệ cao gắn với chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, phát triển kinh tế ven biển. Tập trung hoàn thiện hạ tầng và tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Khu kinh tế tự do phát triển đa ngành, Khu công nghệ cao tỉnh Hưng Yên.

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ cùng các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương hoàn thiện hạ tầng số và cơ sở dữ liệu quốc gia, cung cấp dịch vụ công và kết nối nhà đầu tư; thúc đẩy dùng chung dữ liệu, chuẩn hóa quy trình, giảm giấy tờ, giảm thời gian xử lý, giảm chi phí tuân thủ.

2. Đổi mới định hướng thu hút đầu tư nước ngoài theo ngành, lĩnh vực

- Xây dựng danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư, trong đó tập trung vào lĩnh vực cốt lõi: Công nghiệp điện tử, chip bán dẫn và thiết bị số; trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, Internet vạn vật và chuỗi khối; công nghệ sinh học và y sinh tiên tiến; công nghệ năng lượng và vật liệu tiên tiến, công nghiệp xanh; logistics hiện đại, dịch vụ chuỗi cung ứng, dịch vụ tài chính, thương mại, đổi mới sáng tạo và các dịch vụ giá trị gia tăng cao. Thường xuyên rà soát, cập nhật đối với các lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn từng giai đoạn phát triển, yêu cầu hội nhập quốc tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia - dân tộc. Xây dựng cơ chế ưu đãi vượt trội, cạnh tranh, gắn với yêu cầu kết quả thực hiện; quy trình thủ tục đầu tư đặc thù, riêng biệt; cơ chế xử lý các khó khăn, vướng mắc tập trung, nhanh, linh hoạt.

- Xây dựng danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư theo chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành và hệ sinh thái công nghiệp - dịch vụ - logistics theo hướng dựa trên tiềm năng, lợi thế của từng vùng, gắn với quy hoạch khu công nghiệp, đô thị, logistics; đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, dài hạn, phân bổ nguồn lực hợp lý, liên kết vùng và phát huy hiệu quả.

- Ưu tiên phát triển một số sản phẩm công nghiệp chủ lực thuộc những ngành công nghiệp công nghệ mới như: Năng lượng tái tạo và lưu trữ năng lượng; phương tiện tự hành - tự động thể hệ mới; vật liệu tiên tiến; công nghệ số - điện tử; công nghệ sinh học; công nghệ y sinh; công nghệ môi trường. Ưu tiên dự án có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực, sử dụng sản phẩm trong nước và phát triển doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và mức độ tham gia của doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi cung ứng FDI.

3. Thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế số, chuyển giao công nghệ, tăng tính lan tỏa, liên kết với khu vực kinh tế trong nước

- Khuyến khích, yêu cầu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cam kết về công nghệ, nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, phát triển, đào tạo người Việt Nam, tỉ lệ giá trị gia tăng trong nước, phát triển nhà cung ứng nội địa, chuyển đổi xanh và chuyển đổi số để được hưởng các ưu đãi đầu tư theo kết quả thực hiện.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực quản trị, công nghệ, tiêu chuẩn, tài chính, truy xuất nguồn gốc và khả năng tham gia chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trong nước liên doanh, liên kết, góp vốn, mua bán, sáp nhập, từng bước tăng tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần, mua công nghệ, tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trong các ngành công nghệ chiến lược, các doanh nghiệp có công nghệ truyền thống ở nước ngoài, bảo đảm cơ chế hỗ trợ tuân thủ các cam kết quốc tế;

- Khuyến khích đầu tư của các quỹ đầu tư, trung gian tài chính, nhà đầu tư nước ngoài vào liên doanh, liên kết, góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, dự án trong nước gắn với đầu tư nâng cao công nghệ, quản trị, thị trường và đào tạo lao động trong nước; kiểm soát chặt chẽ, không để phát sinh rủi ro đối với quốc phòng, an ninh, an ninh dữ liệu, an toàn hệ thống tài chính và hạ tầng trọng yếu.

- Khuyến khích tổ chức tín dụng hỗ trợ lãi suất, cấp tín dụng ưu đãi để triển khai các dự án có vốn đầu tư nước ngoài xanh, tuần hoàn, tiết kiệm năng lượng, sử dụng tài nguyên bền vững và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG).

- Khuyến khích chuyên gia, cán bộ quản lý, người lao động Việt Nam đã làm việc trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phát huy kinh nghiệm kỹ năng, mạng lưới để hình thành doanh nghiệp mới, dự án mới, hoạt động đổi mới sáng tạo, qua đó lan tỏa tri thức và phương thức quản trị tiên tiến.

4. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư

- Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm; trong đó đổi mới về nội dung và phương thức thực hiện; chú trọng xúc tiến đầu tư tại chỗ; xây dựng, cập nhật danh sách các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài có tiềm lực tài chính, kinh nghiệm quản lý, công nghệ tiên tiến để chủ động tiếp xúc, vận động, kêu gọi đầu tư vào tỉnh.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu nhà đầu tư chiến lược, đối tác chiến lược, tập đoàn hàng đầu, định chế tài chính, quỹ đầu tư lớn, trung tâm đổi mới sáng tạo quan trọng và có phương án tiếp cận chuyên biệt theo từng thị trường, từng nhóm ngành và từng địa bàn.

- Xây dựng hình ảnh môi trường đầu tư kinh doanh tỉnh Hưng Yên ổn định, an toàn, minh bạch, cải cách, nhân lực có chất lượng, vị trí chiến lược, hạ tầng ngày càng hoàn thiện và đồng hành cùng nhà đầu tư. Tăng cường hỗ trợ sau cấp phép, tháo gỡ khó khăn cho dự án đang triển khai thực hiện; coi đây là một nội dung quan trọng của công tác xúc tiến, tạo sức lan tỏa về môi trường đầu tư đối với các nhà đầu tư khác trên địa bàn tỉnh.

5. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong việc thẩm định chấp thuận đầu tư; trong đó thực hiện phân công công việc rõ ràng đối với từng cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh; đặc biệt là đối với các dự án quy mô lớn, sử dụng nhiều đất đai, tài nguyên, năng lượng hoặc có yếu tố nhạy cảm về môi trường, công nghệ và an ninh kinh tế.

- Vận hành Cổng một cửa đầu tư quốc gia, thực hiện nguyên tắc khai một lần, dùng nhiều lần; nâng cao chất lượng phục vụ nhà đầu tư, doanh nghiệp, chất lượng phân tích, dự báo và điều hành chính sách.

- Thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo người Việt Nam, phát triển nhà cung ứng, đóng góp ngân sách nhà nước, bảo vệ môi trường, tuân thủ pháp luật và an ninh kinh tế làm tiêu chí chủ yếu.

- Tăng cường các biện pháp phòng, chống chuyên giá, gian lận thương mại, xuất xứ hàng hoá trên cơ sở kết hợp xác minh kỹ nguồn gốc vốn, chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng và kiểm soát giao dịch có rủi ro cao theo quy định của pháp luật; thực hiện giám định độc lập giá trị vốn góp, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong trường hợp cần thiết.

- Tăng cường giám sát việc thực hiện cam kết của nhà đầu tư; kịp thời xử lý vi phạm, thu hồi ưu đãi hoặc áp dụng biện pháp phù hợp đối với trường hợp không thực hiện đúng cam kết, sử dụng lãng phí đất đai, tài nguyên, năng lượng hoặc gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, trật tự, an toàn xã hội.

- Tôn vinh, khen thưởng kịp thời doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài có đóng góp thực chất, dài hạn, tích cực cho các mục tiêu phát triển của tỉnh, của đất nước.

6. Thực hiện cơ chế, chính sách liên quan đến đầu tư gián tiếp nước ngoài

- Phát triển thị trường vốn trung và dài hạn theo hướng minh bạch, hiện đại, an toàn, bền vững, giảm sự phụ thuộc vào thị trường tín dụng hoặc ngắn hạn.

- Tăng nguồn cung hàng hóa cho thị trường vốn thông qua đẩy mạnh cổ phần hóa gắn với niềm yết, thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân huy động vốn và niềm yết trên thị trường, nâng cao quản trị công ty và minh bạch thông tin.

- Phát triển cơ sở nhà đầu tư theo hướng đa dạng hóa loại hình và nhóm các nhà đầu tư, tập trung nâng cao tỷ trọng nhóm nhà đầu tư tổ chức, nhà đầu tư chuyên nghiệp, quỹ đầu tư, quỹ hưu trí bổ sung, doanh nghiệp bảo hiểm, quỹ đầu tư tư nhân, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư tăng trưởng; khuyến khích dòng vốn nước ngoài dài hạn, ổn định, có trách nhiệm.

- Nâng cao khả năng tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài, hoàn thiện hạ tầng giao dịch, thanh toán, bù trừ, lưu ký, các công cụ phòng ngừa rủi ro và cơ

chế bảo vệ nhà đầu tư; tiếp tục cải thiện chất lượng công bố thông tin, chuẩn mực kế toán, quản trị công ty và giám sát thị trường theo hướng tiệm cận thông lệ quốc tế.

- Tăng cường triển khai cơ chế bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư trên thị trường vốn; nâng cao hiệu quả tiếp nhận, xử lý khiếu nại, tranh chấp và thực thi nghĩa vụ công bố thông tin, quản trị công ty; đồng thời tăng cường giám sát dòng vốn, ngoại hối, phòng, chống rửa tiền và rủi ro hệ thống.

7. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan có liên quan trong phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

- Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phù hợp đặc thù; tăng cường phát triển Đảng, công tác tư tưởng, công tác dân vận, quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức đoàn thể tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu, quản lý nhà nước, xúc tiến, hỗ trợ đầu tư; bố trí cán bộ đủ năng lực, bản lĩnh, phẩm chất, tinh thần phục vụ và tư duy hội nhập.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, cộng đồng doanh nghiệp và người lao động trong quá trình xây dựng, thực thi và giám sát chính sách về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy Đảng tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 10-NQ/TW và Kế hoạch thực hiện của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện bảo đảm hiệu quả, sát với tình hình thực tiễn tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Thời gian: ***Hoàn thành trong tháng 7/2026.***

2. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, bảo đảm phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 10-NQ/TW và tình hình thực tiễn của tỉnh; đồng thời, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo khẩn trương xây dựng Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 10-NQ/TW và Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy với các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình phù hợp; phân công cụ thể trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị; đồng thời, rà soát, nghiên cứu và đề xuất các cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chỉ đạo, hướng dẫn việc học tập, quán triệt, tuyên truyền sâu, rộng Nghị quyết số 10-NQ/TW và Kế hoạch thực hiện; chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh thường xuyên tuyên truyền và phổ biến nội dung Nghị quyết số 10-NQ/TW bằng các hình thức thiết thực, hiệu quả.

5. Đảng ủy Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hướng dẫn và vận động Nhân dân thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW và Kế hoạch thực hiện; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

6. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW và Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tham mưu sơ kết, tổng kết theo quy định.

Nơi nhận:

- VPTW Đảng; các Ban: TGDVTW, CSCLTW (để b/c);
- Vụ ĐP1 VPTW Đảng, Vụ ĐB3 UBKTTW;
- Các BD tỉnh, ĐUUB tỉnh, ĐUCCQ Đảng tỉnh;
- ĐU HĐND tỉnh; ĐU MTTQ VN tỉnh;
- TT HĐND, LĐ UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- ĐU các xã, phường, ĐUTT Tỉnh ủy;
- Các đ/c Tỉnh ủy viên;
- VPTU: CVP, PCVPTM;
- Lưu VPTU, Phòng TH^{Nh}.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**

Trần Quốc Toàn